

Số: **241** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương năm 2020 và phương hướng,
nhiệm vụ kế hoạch năm 2021**

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Để thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đã được HĐND tỉnh giao, ngay từ đầu năm 2020 UBND tỉnh đã tập trung tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020; đồng thời, tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Công văn số 8299/BTC-NSNN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính về đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2020. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 được đánh giá như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 15.250 tỷ đồng, bằng 82,2% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 72,8% so với thực hiện năm 2019 (chi tiết tại Phụ lục số 01). Trong đó:

1.1. Thu nội địa:

a) Thu nội địa cả năm ước đạt 10.250 tỷ đồng, bằng 66,7% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 58% so với thực hiện năm 2019. Trong đó:

- Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 4.150 tỷ đồng, bằng 58,4% dự toán, bằng 41,1% so với thực hiện năm 2019.

- Các khoản thu còn lại (trừ thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất) ước đạt 6.100 tỷ đồng, bằng 73,9% dự toán, bằng 80,6% so với thực hiện năm 2019. Trừ tiền SDD thì bằng 80,8% dự toán, bằng 90,3% so với thực hiện năm 2019.

b) Đánh giá một số khoản thu nội địa:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương ước đạt 4.470 tỷ đồng, bằng 59,7% dự toán giao, bằng 39,2% so với năm 2019. Nguồn thu từ

khu vực này giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao là 3.017 tỷ đồng, chủ yếu do giảm thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Năm 2020, Nhà máy lọc dầu Dung Quất dừng 51 ngày để thực hiện bảo dưỡng tổng thể theo kế hoạch. Dự kiến cả năm, Nhà máy tiêu thụ 5,79 triệu tấn. Giá dầu thô thế giới bình quân cả năm dự kiến ở mức 45 USD/thùng (giảm 15 USD/thùng so với giá dự toán). Tỷ trọng sản lượng dầu thô nhập từ mỏ Bạch Hổ ước chiếm 30%/tổng sản lượng dầu thô đầu vào. Giá bán sản phẩm dầu ra bình quân 10,6 triệu/tấn sản phẩm (thấp hơn giá giao dự toán 4,5 triệu/tấn sản phẩm). Thuế ước nộp NS cả năm 2020 là 4.150 tỷ đồng, đạt 58,4% dự toán (Thuế GTGT: 1.540 tỷ đồng; Thuế TTDB 2.553 tỷ đồng; Thuế TNDN 57 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh ước đạt 2.373 tỷ đồng, bằng 71,3% dự toán giao, tăng 42% so năm 2019. Trong đó:

+ Thu từ Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi: dự kiến cả năm tiêu thụ 100 triệu lít (giảm 10 triệu lít so với cùng kỳ). Nộp NS cả năm 924 tỷ đồng, bằng 90% cùng kỳ. Thu đạt thấp là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

+ Thu từ Công ty CP Đường Quảng Ngãi: dự kiến sản lượng bia tiêu thụ cả năm đạt 54 triệu lít (giảm 02 triệu lít so với cùng kỳ), các khoản thuế nộp NS cả năm 431 tỷ đồng, bằng 82,9% dự toán giao và bằng 95,6% so với cùng kỳ.

+ Thu từ Công ty CP thép Hòa Phát – Dung Quất: thu 54,3 tỷ đồng, đạt 29,7% dự toán, trong đó phát sinh 52,2 tỷ đồng thuế TNDN do đơn vị nộp thuế TNDN phát sinh của năm 2019. Năm 2020, Công ty chưa phát sinh thuế GTGT phải nộp do còn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của dự án Thép Hòa Phát – Dung Quất.

+ Thu từ các DN và cá nhân kinh doanh còn lại: ước cả năm thu 963 tỷ đồng, đạt 82,4% dự toán, bằng 82,7% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 404 tỷ đồng, bằng 86,9% dự toán giao, bằng 93,7% so với cùng kỳ. Thu không đạt dự toán giao và thấp hơn so với cùng kỳ là do trong 6 tháng cuối năm ảnh hưởng của Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân, dự kiến giảm 27 tỷ so cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.046 tỷ đồng, bằng 52,3% dự toán, bằng 53% so với năm 2019. Trong đó:

+ Các dự án tỉnh làm chủ đầu tư: Ước thu 51,9 tỷ đồng; bao gồm: BQL các công trình giao thông tỉnh 9,9 tỷ đồng (KDC Khê Nam - TĐC dự án Cầu Cửa Đại, Khu tái định cư Vĩnh Thọ- GPMB dự án Cầu Cửa Đại); các dự án do BQL KKT Dung Quất làm chủ đầu tư 32 tỷ đồng; Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh 10 tỷ (các Khu TĐC và KDC thuộc Dự án nâng cấp QL 1A).

+ Dự án các huyện, TP làm chủ đầu tư: Ước thu 569,1 tỷ đồng. Một số địa phương có số thu lớn như: TP Quảng Ngãi (133 tỷ đồng), Bình Sơn (39 tỷ

đồng), Sơn Tịnh (140 tỷ đồng), Tư Nghĩa (91 tỷ đồng), Nghĩa Hành (82 tỷ đồng), Mộ Đức (40 tỷ đồng), Đức Phổ (26 tỷ đồng).

+ Dự án kinh doanh bất động sản: Ước thu 425 tỷ đồng; gồm: TP Quảng Ngãi: 192 tỷ đồng, Bình Sơn 10 tỷ đồng, Tư Nghĩa 87 tỷ đồng, Mộ Đức 36 tỷ đồng, Đức Phổ 100 tỷ đồng.

- Thuế bảo vệ môi trường ước thu 810 tỷ đồng, đạt 98,8% dự toán, xấp xỉ năm 2019.

- Lệ phí trước bạ: ước đạt 175 tỷ đồng, bằng 60,4% dự toán giao, bằng 68,6% so với cùng kỳ. Thu không đạt dự toán giao và giảm mạnh so với cùng kỳ là do trong năm 2020 nền kinh tế bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19 và chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước.

- Thu khác ngân sách ước thu 219 tỷ đồng, đạt 106,8% dự toán giao, bằng 95,1% so với năm 2019.

1.2. Thu hoạt động xuất nhập khẩu cả năm ước đạt 5.000 tỷ đồng, bằng 156,3% so với dự toán giao, tăng 51,9% so với năm 2019. Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 2.600 tỷ đồng từ việc nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư xây dựng và nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất; thu từ dầu thô nhập khẩu của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 1.789 tỷ đồng.

2. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:

Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 2.233 tỷ đồng; bằng 100% dự toán Trung ương giao.

II. Chi ngân sách nhà nước

1. Chi cân đối ngân sách địa phương:

1.1. Chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 11.741 tỷ đồng, bằng 87,5% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 58,3% so với năm 2019 (*chi tiết tại Phụ lục số 02*); trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển ước đạt 3.067 tỷ đồng, bằng 74,8% so dự toán giao, bằng 63,1% so với năm 2019.

b) Chi thường xuyên: ước đạt 8.673 tỷ đồng, bằng 97,9% so dự toán giao, bằng 95,1% so với năm 2019.

c) Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính ước đạt 1,14 tỷ đồng, bằng 100% so dự toán giao.

d) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, ước đạt 1 tỷ đồng, bằng 100% so dự toán giao.

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi:

a) Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT):

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2020: việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2020 tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; Kế hoạch vốn đầu tư phát

triển năm 2020 được UBND tỉnh Quảng Ngãi phân bổ kịp thời và đúng quy định theo các thông báo vốn của trung ương về mục tiêu, cơ cấu và chỉ tiêu kế hoạch vốn giao.

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2020 của tỉnh là 4.076 tỷ đồng. Trong đó: chi đầu tư XDCB vốn trong nước 1.932 tỷ đồng, chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 2.000 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết là 105 tỷ đồng và chi từ nguồn bội chi là 39 tỷ đồng; chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương 6 tỷ đồng; đồng chi đầu tư phát triển khác 20 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện chi ĐTP: Dự kiến năm 2020 sẽ giải ngân từng nguồn vốn cụ thể như sau:

+ Chi đầu tư XDCB vốn trong nước dự kiến giải ngân 1.932 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao.

+ Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến giải ngân 1.000 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao (*giải ngân đạt thấp do dự kiến huy thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất*).

+ Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu XSKT dự kiến sẽ giải ngân 105 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao.

+ Chi từ nguồn bội chi dự kiến sẽ giải ngân 3,2 tỷ đồng để thực hiện dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập, đạt 29% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao.

+ Chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương 6 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao.

+ Chi đầu tư phát triển khác 20 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao.

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên: Tổng chi thường xuyên ước đạt 8.673 tỷ đồng, bằng 97,9% so dự toán năm, bằng 95% so với năm 2019. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 3.146 tỷ đồng, bằng 90,3% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ước đạt 32 tỷ đồng, bằng 92,9% dự toán;

- Chi quốc phòng ước đạt 212 tỷ đồng, bằng 105,8% dự toán năm;

- Chi an ninh ước đạt 125 tỷ đồng, bằng 153,5% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp y tế ước đạt 803 tỷ đồng, bằng 93,7% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục, thể thao ước đạt 154 tỷ đồng, bằng 92% dự toán năm;

- Chi phát thanh, truyền hình ước đạt 36 tỷ đồng, bằng 90% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp môi trường, ước đạt 144 tỷ đồng, bằng 90% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp kinh tế, ước đạt 1.466 tỷ đồng, bằng 91,9% dự toán năm;

- Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể ước đạt 1.920 tỷ đồng, bằng 112,1% dự toán năm;

- Chi đảm bảo xã hội ước đạt 582 tỷ đồng, bằng 118,2% dự toán năm;

- Chi thường xuyên khác ước đạt 50 tỷ đồng, bằng 155,3% dự toán năm;

Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách đảm bảo đúng mục đích, đúng định mức chi tiêu và chế độ tài chính hiện hành. Thực hiện triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020.

c) Dự phòng ngân sách cấp tỉnh (*chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm*) tổng nguồn 178,802 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí dự phòng bố trí dự toán đầu năm 2020: 130,608 tỷ đồng;

- Kinh phí chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 là 18,883 tỷ đồng.

- Hoàn trả dự phòng NS tỉnh đã chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19 từ nguồn trung ương hỗ trợ (Ban cán sự Đảng UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 957-CV/BCS ngày 16/11/2020): 29,311 tỷ đồng.

Đến ngày 20/11/2020, dự phòng ngân sách tỉnh đã sử dụng 103,22 tỷ đồng (*trong đó, kinh phí đã thống nhất chủ trương nhưng chưa có Quyết định là 10,3 tỷ đồng*); chủ yếu tập trung chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19 và dịch tả lợn Châu Phi, phòng chống thiên tai.

Tóm lại, trong năm 2020, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020.

2. Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu:

a) Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 2.233 tỷ đồng; trong đó: Vốn Chương trình MTQG là 1.039 tỷ đồng, vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án là 1.025 tỷ đồng, vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ là 169 tỷ đồng.

b) Ước thực hiện: 2.184 tỷ đồng; cụ thể:

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.031 tỷ đồng, đạt 99,3% kế hoạch vốn giao. Trong đó vốn sự nghiệp 218 tỷ đồng, đạt 96,5% kế hoạch; vốn đầu tư 813 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án: 987 tỷ đồng, đạt 96,3% kế hoạch vốn giao.

- Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: 166 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch vốn giao.

3. Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính địa phương:

a) Số dư đến ngày 31/12/2019: 108,965 tỷ đồng.

b) Số phát sinh tăng dự kiến năm 2020: 2,354 tỷ đồng, gồm: Bổ sung từ dự toán chi ngân sách tỉnh 1,14 tỷ đồng; lãi tiền gửi (0,1%/tháng): 1,214 tỷ đồng;

c) Phát sinh giảm trong năm 76,275 tỷ đồng (sử dụng 70% số dư đầu năm để thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch Covid – 19).

d) Số dư đến ngày 31/12/2020: 35,045 tỷ đồng.

4. Về tình hình vay nợ của ngân sách địa phương:

a) Các khoản vay đầu tư, ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ:

- Số dư đầu năm 2020 là: 31,2 tỷ đồng;

- Số phát sinh tăng trong kỳ: 12,7 tỷ đồng; tăng do vay lại của Chính phủ để thực hiện dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập 11,16 tỷ đồng, dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai 1,54 tỷ đồng.

- Số phát sinh giảm trong kỳ: 0 tỷ đồng.

- Số dư nợ vay đến cuối năm 2020: 43,9 tỷ đồng.

b) Dư nợ vay đầu tư dự án Năng lượng nông thôn II (RE II) đến ngày 31/12/2020 là: 130,05 tỷ đồng.

Từ năm 2020 khoản vay này do Công ty Điện lực Quảng Ngãi bố trí nguồn trả nợ.

5. Tình hình tạm ứng, ứng trước để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản và nhiệm vụ khác: Tổng số tạm ứng, ứng trước đến 31/12/2020 là 619,63 tỷ đồng; bao gồm:

a) Các khoản tạm ứng, ứng trước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh: 240,249 tỷ đồng;

b) Các khoản tạm ứng, ứng trước không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh: 379,381 tỷ đồng.

III. Đánh giá một số điểm đặc thù trong việc hiện nhiệm vụ ngân sách địa phương năm 2020

1. Đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020:

Ước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 15.289 tỷ đồng, bằng 82,2% dự toán năm. Năm 2020, dự kiến thu cân đối phần ngân sách địa phương được hưởng là 8.636 tỷ đồng, giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao là 4.645 tỷ đồng và giảm so với Trung ương giao là 3.202 tỷ đồng; nếu không tính thu tiền sử dụng đất (1.046 tỷ đồng) và thu xổ số kiến thiết (110 tỷ đồng) thì ngân sách tỉnh hụt thu 3.696 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao và hụt thu so với Trung ương giao là 3.253 tỷ đồng.

2. Đánh giá kết quả thực hiện một số chế độ, chính sách do Trung ương ban hành:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 là cơ sở để thực hiện các chính sách, dự án thuộc khung Chương trình giảm nghèo. Trên cơ sở đó, tỉnh đã cụ thể hóa, trình HĐND tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ 4 thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2016-2020 và UBND tỉnh đã Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017.

- Tổng kinh phí được giao trong năm 2020: 488,079 tỷ đồng; bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương là 474,241 tỷ đồng, trong đó: (1) Vốn sự nghiệp 95,409 tỷ đồng; (2) Vốn đầu tư phát triển 378,832 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương là 13,838 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp).

- Ước thực hiện trong năm là 484,263 tỷ đồng, đạt 99,2% so với dự toán được giao.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Tổng kinh phí được giao trong năm 2020: 888,482 tỷ đồng; bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương là 564,82 tỷ đồng, trong đó: (1) Vốn sự nghiệp 130,2 tỷ đồng; (2) Vốn đầu tư phát triển 434,72 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương là 323,662 tỷ đồng, trong đó: (1) Vốn sự nghiệp 116,162 tỷ đồng; (2) Vốn đầu tư phát triển 207,5 tỷ đồng.

- Ước thực hiện trong năm là 879,933 tỷ đồng, đạt 99% so với dự toán được giao.

- UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Trung ương giao cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xây dựng các công trình nhằm hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới, trả nợ công trình và hỗ trợ tuyên truyền thực hiện Chương trình.

- Về triển khai thực hiện các quy định của Trung ương: Trên cơ sở Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -

2020, Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh và một số sở ngành liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn để cụ thể hóa các quy định của Trung ương thực hiện trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

c) Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 85.420 người, với tổng kinh phí được phê duyệt để bổ sung có các huyện, thành phố đảm bảo thực hiện chính sách là 399,076 tỷ đồng. Trong năm 2020, ngoài kinh phí đã được bố trí trong cân đối NSDP (359,958 tỷ đồng) và nguồn kinh phí bố trí trong cân đối NSDP thừa năm 2019 trở về trước (31,311 tỷ đồng), địa phương chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả thay cho Trung ương(80%) là 6,245 tỷ đồng.

d) Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người dân sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sống tại huyện đảo Lý Sơn nhưng chưa có thẻ BHYT; người thuộc hộ gia đình cận nghèo; trẻ em dưới 6 tuổi; người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội; người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật; học sinh, sinh viên; người tham gia kháng chiến chống Mỹ, cựu thanh niên xung phong, người tham gia chiến trường Lào, Campuchia; người thuộc hộ gia đình nghèo; với tổng kinh phí dự kiến là 524,432 tỷ đồng (bao gồm 20,673 tỷ đồng NSDP hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh). Trong năm 2020, địa phương sử dụng kinh phí đã được bố trí trong cân đối NSDP (406,844 tỷ đồng). Kinh phí còn thiếu phải bổ sung là 117,588 tỷ đồng. Trong đó, sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả thay cho Trung ương (80%) là 77,532 tỷ đồng và ngân sách địa phương đảm bảo là 40,056 tỷ đồng (gồm phần địa phương đảm bảo 20% là 19,383 tỷ đồng và 20,673 tỷ đồng NSDP hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

đ) Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

- Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Tổng kinh phí Trung ương bố trí trong cân đối là 42,812 tỷ đồng; ước thực hiện trong năm là 42,812 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán được giao.

- Chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ; tổng diện tích cấp bù miễn thu thủy lợi phí là 79.903 ha; nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn thu thủy lợi phí trong năm 2020 là 83,065 tỷ đồng; Trong năm 2020, ngoài kinh phí đã được bố trí trong cân đối NSDP 75,955 tỷ đồng, kinh phí Bộ Tài chính còn thiếu phải bổ sung cho ngân sách tỉnh (80%) là 5,688 tỷ đồng.

e) Hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ tiền điện trên 34.988 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội là 23.092 tỷ đồng. Việc chi trả được thực hiện hàng quý, địa phương chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả thay cho Trung ương(80%) đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức.

g) Chính sách hỗ trợ ngư dân gặp rủi ro khi bám biển, đánh bắt xa bờ:

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ tổng kinh phí dự kiến thực hiện năm 2020 là 18,918 tỷ đồng. Trong năm 2020, ngoài kinh phí Trung ương tạm cấp năm 2019 còn thừa chuyển sang 2020 tiếp tục thực hiện là 17,694 tỷ đồng kinh phí Bộ Tài chính còn thiếu phải bổ sung cho ngân sách tỉnh là 1,224 tỷ đồng.

- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo quy định tại Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng chính phủ: Tổng nhu cầu kinh phí trong năm 2020 là 497,7 tỷ đồng. Đợt 1/2020, UBND đã thực hiện hỗ trợ cho ngư dân với số tiền 59,234 tỷ đồng (trong đó sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả thay cho Trung ương 47,387 tỷ đồng, nguồn ngân sách địa phương đảm bảo là 11,847 tỷ đồng. Năm 2020, ngân sách địa phương hụt thu lớn, không có nguồn kinh phí đảm bảo 20%, UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện tại Công văn số 5397/UBND-KT ngày 05/11/2020.

h) Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg: Tổng kinh phí triển khai thực hiện Chính sách đối với 306 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh là 4,375 tỷ đồng, trong đó phần kinh phí Trung ương phải bố trí là 404 triệu đồng, tỉnh đã chủ động sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện.

i) Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo:

- Chính sách học bổng đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009: Tổng nhu cầu kinh phí năm 2020 là 24,726 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 21,490 tỷ đồng. Kinh phí còn thiếu là 3,236 tỷ đồng. Đã đề nghị trung ương bổ sung phần kinh phí Trung ương phải đảm bảo (80%) là 2,589 tỷ đồng, phần còn lại ngân sách địa phương bố trí từ nguồn chuyển nguồn các chính sách giáo dục.

- Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017: Nhu cầu kinh phí năm 2020 là 102,223 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 75,548 tỷ đồng. kinh phí còn thiếu là 26,675 tỷ đồng. Đã đề nghị trung ương bổ sung

phần kinh phí Trung ương phải đảm bảo (80%) là 21,348 tỷ đồng, phần còn lại ngân sách địa phương bố trí từ nguồn chuyển nguồn các chính sách giáo dục.

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa 3-5 tuổi Nghị định 06/2018/NĐ-CP: Nhu cầu kinh phí năm 2020 là 28,495 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 28,533 tỷ đồng.

- Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH - BTC ngày 31/12/2013: Nhu cầu kinh phí năm 2020 là 7,609 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 4,691 tỷ đồng. Kinh phí còn thiếu là 2,918 tỷ đồng. Đã đề nghị trung ương bổ sung phần kinh phí Trung ương phải đảm bảo (80%) là 2,334 tỷ đồng, phần còn lại ngân sách địa phương bố trí từ nguồn chuyển nguồn các chính sách giáo dục.

- Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015: Nhu cầu kinh phí năm 2020 là 39,421 tỷ đồng. Đã đề nghị trung ương bổ sung phần kinh phí Trung ương phải đảm bảo (80%) là 31,537 tỷ đồng, phần còn lại ngân sách địa phương bố trí từ nguồn chuyển nguồn các chính sách giáo dục.

IV. Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2020

1. Về thu:

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh bị ngừng, nghỉ sản xuất kinh doanh, gặp khó khăn về vốn, về tiêu thụ sản phẩm, thu hồi nợ; đa số các doanh nghiệp dự kiến doanh thu, lợi nhuận giảm sút từ 30% đến 70% so với năm 2019; thị trường bất động sản trầm lắng từ cuối năm 2019 và kéo dài trong năm 2020 làm ảnh hưởng rất lớn đến tiền độ thu tiền sử dụng đất trong năm 2020, sản lượng tiêu thụ bia giảm dần dẫn đến các sắc thuế từ các Nhà máy bia trên địa bàn bị ảnh hưởng giảm thu lớn;... đặc biệt, giá dầu thô thế giới luôn biến động giảm sâu, làm giảm thu lớn từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Ngoài ra, sản lượng tiêu thụ bia giảm đã tác động giảm thu lớn của các sắc thuế từ các Nhà máy bia trên địa bàn,... Bên cạnh đó, Chính phủ ban hành chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí ... hỗ trợ cho người nộp thuế vượt qua khó khăn do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, do đó ảnh hưởng giảm thu lớn đến kết quả thu NSNN trong năm 2020.

2. Về chi:

a) Nợ tạm ứng, ứng trước kéo dài trong nhiều năm còn lớn nhưng chưa bố trí đủ nguồn để thu hồi tạm ứng, ứng trước (*tổng dư nợ ứng trước ngân sách tỉnh đầu năm 2020 là 889,561 tỷ đồng, trong năm 2020 chỉ bố trí trả nợ 269,931 tỷ đồng, số dư nợ đến 31/12/2020 là 619,63 tỷ đồng*).

b) Quản lý chi thường xuyên vẫn còn nhiều trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đối với một số đơn vị dự toán; nhiều cơ

chế, chính sách, đề án, dự án được ban hành nhưng chưa đáp ứng đủ nguồn lực tài chính để thực hiện; Tỉnh phải đảm bảo tối thiểu 20% nhu cầu kinh phí tăng thêm của các chính sách do TW ban hành; bố trí vốn đối ứng Chương trình Nông thôn mới (150%), Chương trình Giảm nghèo bền vững (15%). Do vậy nguồn lực địa phương rất khó khăn cho việc bố trí vốn đầu tư phát triển.

c) Năm 2020, dự kiến hụt thu 4.645 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao và hụt thu 3.202 tỷ đồng so với Trung ương giao, dẫn đến mất cân đối thu - chi ngân sách địa phương, tỉnh phải thực hiện cắt giảm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, cắt giảm triệt để các khoản chi thường xuyên chưa thật sự cần thiết, huy động tối đa mọi nguồn lực của địa phương và đề nghị Trung ương bổ sung trong cân đối cho địa phương.

PHẦN II XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

I. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2021, dự báo kinh tế tỉnh Quảng Ngãi dần phục hồi và ổn định, tăng trưởng so với năm 2020, nhưng dự báo mức tăng trưởng chậm ...; sau bảo dưỡng xong Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào sản xuất bình thường; tuy nhiên, dự báo giá dầu thô mua vào biến động khó dự lường, luôn ở mức thấp, tỷ lệ dầu thô mua vào từ mỏ Bạch Hổ thấp dần, ...; Công ty cổ phần thép Hòa Phát - Dung Quất tiếp tục khấu trừ thuế GTGT đầu vào, chưa phát sinh số phải nộp ... nên ảnh hưởng đến nguồn thu năm 2021.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021: 18.097 tỷ đồng, tăng so với Trung ương giao là 2.050 tỷ đồng (*Trung ương giao là 16.047 tỷ đồng*).

1. Thu cân đối NSNN trên địa bàn tỉnh: Dự kiến thu 18.055,7 tỷ đồng, tăng so với Trung ương giao là 2.050 tỷ đồng tương ứng 12,8% (*theo số liệu Trung ương giao là 16.005,7 tỷ đồng*) (*chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm*).

a) Thu nội địa 13.055,7 tỷ đồng (*tăng 2.050 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,6% so với Trung ương giao*), tăng 27,4 % so với ước thực hiện năm 2020. Trong đó:

- Thu từ NMLD Dung Quất: 5.000 tỷ đồng; bằng 120,5% so ước thực hiện năm 2020 (*bằng dự toán Trung ương giao*).

- Thu các khoản còn lại (*trừ thu từ NMLD*): 8.055,7 tỷ đồng (*tăng 2.050 tỷ đồng so với Trung ương giao*), tăng 32,1% so ước thực hiện năm 2020. Trừ tiền sử dụng đất (*dự toán 2.600 tỷ đồng*) tăng 7,9% so ước thực hiện năm 2020.

* Cơ sở xây dựng dự toán một số khoản thu nội địa năm 2021:

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: dự toán 5.366 tỷ đồng (*bằng dự toán Trung ương giao*); tăng 20% so ước thực hiện 2020. Trong đó:

- Thu từ NMLD Dung Quất: năm 2021 Nhà máy hoạt động bình thường sau bảo dưỡng tổng thể lần 4, dự kiến sản lượng tiêu thụ là 6,78 triệu tấn; giá dầu thô thế giới bình quân trong năm 45 USD; tỷ trọng dầu nhập từ mỏ Bạch Hổ chiếm 26,4%/tổng lượng dầu thô đầu vào; giá bán sản phẩm bình quân 10,4 triệu/tấn. Thuế phải nộp là 5.000; trong đó: thuế GTGT 1.926 tỷ đồng, thuế TTĐB 2.904 tỷ đồng (dự kiến tiêu thụ 2,8 triệu tấn xăng các loại), thuế TNDN 170 tỷ đồng (căn cứ vào tỷ lệ thuế TNDN/doanh thu chịu thuế là 5%).

- Thu từ Thủy điện Đăkdrinh: Dự kiến sản lượng điện đạt 350 triệu kwh (tăng 30 triệu kwh so ước thực hiện năm 2020). Giá bán điện bình quân 1.073 đồng/kwh (bằng giá bán bình quân năm 2018 và năm 2019). Các khoản thuế nộp tại Quảng Ngãi: 49,6 tỷ đồng (GTGT 30 tỷ đồng; Tài nguyên 19,6 tỷ đồng).

- Thu từ các DNNN trung ương còn lại: dự toán 316 tỷ đồng, tăng 18,7% so ước thực hiện năm 2020.

(2) Thu từ DNNN địa phương: dự toán 45 tỷ đồng, bằng 96,8% so ước thực hiện 2020. Nếu trừ yếu tố VP văn phòng đăng ký quyền SDD Quảng Ngãi đã tạm dừng thu giá dịch vụ biến động giá đất trong năm 2020 (nộp đột biến 02 tỷ), năm 2021 dự báo không thu đạt như năm 2020, thì tăng 1,3% so ước thực hiện năm 2020.

(3) Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán năm 2021 là 260 tỷ đồng, bằng 76,7% so ước thực hiện năm 2020, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp FDI: 151 tỷ đồng; gồm: Công ty VSIP 50 tỷ đồng, Công ty giày Rieker 35 tỷ đồng, các DN còn lại 66 tỷ đồng.

- Thu từ nhà thầu nước ngoài thực hiện các dự án là 109 tỷ đồng. Gồm: nhà thầu phục vụ SX kinh doanh Nhà máy lọc dầu Dung Quất 40 tỷ đồng (năm 2021 giảm 40 tỷ đồng nhà thầu thực hiện bảo dưỡng nhà máy năm 2020), thầu phục vụ SX kinh doanh Nhà máy thép Hòa Phát - Dung Quất 15 tỷ đồng, Công ty Doosan Vina 12 tỷ đồng, các nhà thầu còn lại 12 tỷ đồng.

(4) Thu từ khu vực thuế ngoài quốc doanh:

Năm 2021, Công ty CP Thép Hòa Phát không còn phát sinh 52,2 tỷ thuế TNDN; dự án Thép Hòa Phát - Dung Quất hoàn thành năm 2020, do đó không còn thu thuế vãng lai các DN ngoài tỉnh, giảm 10 tỷ; dự án Cầu Cửa Đại giảm 05 tỷ, do kết thúc dự án.

Dự toán thu năm 2021 là 2.810 tỷ, tăng 18,4% so ước thực hiện năm 2020 (tăng 400 tỷ so dự toán Bộ Tài chính giao năm 2021). Trừ thu từ Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi; Công ty CP Đường, nhóm nhà máy thủy điện, các khoản thu đột biến năm 2020 và khoản thu tăng, giảm do thực hiện các chính sách mới thì tăng 11,1% so ước thực hiện năm 2020, cụ thể:

- Thu từ các DN, tổ chức: Dự toán 2.726 tỷ; tăng 18,8% so ước thực hiện 2020, bao gồm:

+ Công ty Bia Sài Gòn Quảng Ngãi: Dự kiến sản lượng tiêu thụ năm 2021 đạt 138 triệu lít (tăng 38 triệu lít so ước thực hiện năm 2020). Các

khoản thuế phải nộp 1.279 tỷ (Thuế GTGT 120 tỷ đồng; Thuế TTĐB 1.148 tỷ đồng; Thuế TNDN 11 tỷ đồng).

+ Công ty CP Đường Quảng Ngãi: Dự toán xây dựng tiêu thụ 54 triệu lít bia Dung Quất, bằng sản lượng ước thực hiện năm 2020. Các khoản thuế nộp ngân sách 458 tỷ đồng, tăng 6,2% ước thực hiện năm 2020, trong đó: thuế TTĐB 246 tỷ đồng; thuế GTGT 100 tỷ đồng; Thuế TNDN 112 tỷ đồng.

+ Thu từ các nhà máy thủy điện: Năm 2021 dự kiến sản lượng điện tiêu thụ 493 triệu kwh, tăng 19,1% so ước thực hiện năm 2020. Số nộp NSNN là 62,8 tỷ đồng.

+ Thu từ các DN còn lại: Dự toán 932,2 tỷ đồng, tăng 9,7% so ước thực hiện 2020. Nếu trừ thu vãng lai dự án Cầu Cửa Đại 05 tỷ đồng (*kết thúc dự án trong năm 2020*) thì tăng 10,4% so cùng kỳ.

Đối với dự án Khu Liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất: Dự kiến cuối năm 2020 hoàn thành toàn bộ dự án và đi vào hoạt động tổng thể nhà máy. Dự kiến năm 2021 sản lượng tiêu thụ: 4.000.000 tấn (phôi 600.000 tấn để XK, thép 3.400.000 tiêu thụ nội địa); giá bán: phôi 9 trđ/tấn, thép 10,280 trđ/tấn tương đương năm 2020; thuế GTGT đầu vào kinh doanh dự kiến 6,5%/doanh thu. Năm 2021 dự kiến xuất khẩu 15%, giảm so với 2020 (38%) do năm 2020 chủ yếu XK phôi thép, năm 2021 nhà máy cán sẽ đi vào hoạt động sẽ chuyển phôi sang nhà máy cán để sản xuất thép và tiêu thụ nội địa. Thuế GTGT đầu ra: 3.392 tỷ đồng. Thuế GTGT đầu vào: Phát sinh trong kỳ (6,5%) 2.575 tỷ đồng, kỳ trước chuyển sang 1.585 tỷ đồng, tổng cộng 4.154 tỷ đồng. Do đó, năm 2021 chưa phát sinh số thuế GTGT phải nộp. Số thuế GTGT khấu trừ chuyển năm 2022 là hơn 760 tỷ đồng.

- Thu từ cá nhân kinh doanh: dự toán năm 2021 là 84 tỷ, tăng 7,6% so ước thực hiện năm 2020.

(5) Thuế thu nhập cá nhân: dự toán năm 2021 là 330 tỷ đồng, bằng 81,7% so ước thực hiện 2020. Trừ yếu tố chính sách tăng mức giảm trừ gia cảnh theo quy định tại Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội, dự kiến giảm 93 tỷ trong năm 2021, thì tăng 4,7% so thực hiện cùng kỳ năm 2020.

(6) Thuế bảo vệ môi trường: Dự kiến sản lượng xăng dầu các loại tiêu thụ 350,8 triệu lít (xăng 94,5 triệu lít; diesel 193,4 triệu lít; dầu hỏa 0,7 triệu lít; mazut 62,2 triệu lít); Thuế BVMT nộp 890 tỷ, tăng 9,9% so thực hiện cùng kỳ.

(7) Các khoản thu từ đất:

- Tiền sử dụng đất: dự toán thu năm 2021 là 2.600 tỷ đồng (*tăng 1.650 tỷ đồng so với Trung ương giao*); tăng 148,6% so ước thực hiện 2020. Trong đó:

+ Thu từ các Dự án tỉnh quản lý: Dự toán 1.180 tỷ đồng. Trong đó: Công ty QISC 944 tỷ đồng (*Dự án KDC phía bắc đường Huỳnh Thúc Kháng 220 tỷ, Dự án trục đường Bà Giang Cầu Mới đoạn từ đường sắt đến Hoàng Văn Thụ 262 tỷ đồng, KDC Mỹ Trà - Mỹ Khê 350 tỷ đồng, Một số lô đất*

thuộc Dự án Hệ thống HTKT KDC Bàu Giang Cầu Mới 35 tỷ đồng, Dự án Kè Nam Sông Vê 77 tỷ đồng); Trung tâm PTQĐ tỉnh 33 tỷ đồng (KDC đề bao kết hợp ứng phó biến đổi khí hậu Tĩnh Kỳ); Ban quản lý KKT Dung Quất 15 tỷ đồng (Khu dân cư Mẫu Trạch giai đoạn 10 tỷ, Khu tái định cư địa bàn KKT Dung Quất 5 tỷ); BQL các công trình giao thông tỉnh 188 tỷ đồng (1 số dự án như: Khu tái định cư Liên Hiệp I 70 tỷ đồng, Dự án Đường ven biển xã Tĩnh Hòa (18 ló) 16 tỷ đồng, Khu dân cư Nghĩa Điền 10 tỷ đồng, các khu tái định cư địa bàn huyện Sơn Tĩnh 74 tỷ đồng...).

+ Thu từ các dự án của huyện, thành phố: Dự toán 510 tỷ đồng. Các địa phương có nguồn thu tiền SDD lớn là: TP Quảng Ngãi: 135 tỷ đồng; Bình Sơn: 63 tỷ đồng; Tư Nghĩa: 134 tỷ đồng; Đức Phổ: 46 tỷ đồng; Mộ Đức 42 tỷ đồng, Nghĩa Hành 40 tỷ đồng...

+ Thu từ các dự án kinh doanh bất động sản: Dự toán 910 tỷ đồng (trong đó: TP Quảng Ngãi 295 tỷ đồng; Tư Nghĩa 238 tỷ đồng; Ba Tơ 1,5 tỷ đồng; Bình Sơn 172 tỷ đồng; Mộ Đức 67 tỷ đồng; Đức Phổ 128 tỷ đồng; Trà Bồng 10 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: dự toán 05 tỷ đồng; bằng ước thực hiện 2020.

- Tiền cho thuê đất: dự toán 42 tỷ đồng; bằng 108% so ước thực hiện 2020.

(8) Thu khác ngân sách: dự toán 205 tỷ đồng, bằng 93,6% so ước thực hiện 2020.

(9) Thu cố định tại xã: dự toán 12 tỷ đồng; bằng 98,8% so ước thực hiện 2020.

(10) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước: Dự toán năm 2021 xây dựng 30 tỷ đồng; bằng 62,4% ước thực hiện 2020. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về miễn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với doanh nghiệp khai thác nước để sản xuất, kinh doanh trong năm 2020, theo đó, miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật tài nguyên nước đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước có quy định số tiền phải nộp tiền trong năm 2020. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2020, đã nộp vào NSNN nhưng dự kiến không đề nghị hoàn trả theo quy định của Luật Quản lý thuế trong năm 2020 thì tính ảnh hưởng giảm thu tương ứng năm 2021. Do đó, dự toán năm 2021 thấp so cùng kỳ.

(11) Thu từ Xổ số kiến thiết: 112 tỷ đồng, tăng 1,8% so ước thực hiện năm 2020. Trong đó: Công ty Xổ số kiến thiết nộp 107 tỷ và Công ty xổ số Vietlot phân bổ, nộp cho ngân sách tỉnh 5 tỷ.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 5.000 tỷ đồng.

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình hoạt động xuất nhập khẩu và nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020, dự toán thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu năm 2021 là 5.000 tỷ đồng, bằng ước thực hiện năm 2020, bằng dự toán trung ương giao.

2. Thu vay vốn để bù đắp bội chi: 41,3 tỷ đồng.

II. Chi ngân sách nhà nước

Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021; dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 là 14.047,5 tỷ đồng tăng 2,7% so với ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2020 (*chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm*). Gồm:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 12.525,9 tỷ đồng (*giảm so dự toán 2020 là 893,1 tỷ đồng*).

a) Chi đầu tư phát triển: 4.258,6 tỷ đồng (*bằng 34% tổng chi cân đối NSDP*), tăng so với Trung ương giao là 1.670 tỷ đồng, tương ứng 64,5% (*Trung ương giao 2.588,63 tỷ đồng*), chủ yếu do tăng thu tiền sử dụng đất (tăng 1.650 tỷ đồng); gồm:

(1) Chi đầu tư cho các dự án là 4.238,6 tỷ đồng.

- Từ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg: 1.485,33 tỷ đồng, bằng dự toán Trung ương giao.

- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.600 tỷ đồng, tăng so với Trung ương giao là 1.650 tỷ đồng; bao gồm cấp tỉnh 1.870,18 tỷ đồng (*bao gồm kinh phí thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định*); cấp huyện 729,82 tỷ đồng.

- Từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 112 tỷ đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 41,3 tỷ đồng.

(2) Chi bổ sung các quỹ ngoài ngân sách 20 tỷ đồng, gồm Quỹ cho vay giải quyết việc làm (*đối với các Chương trình mục tiêu việc làm, giảm nghèo nhanh và bền vững theo Quyết định của UBND tỉnh*).

* Tổng chi đầu tư phát triển năm 2021 là 4.258,6 tỷ đồng, chiếm 34% tổng chi cân đối NSDP; tăng chi đầu tư so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020 là 156,7 tỷ đồng, tương ứng 3,8%; tăng so với Trung ương giao là 1.670 tỷ đồng, tương ứng 64,5% (*Trung ương giao 2.588,630 tỷ đồng*) chủ yếu do tăng thu tiền sử dụng đất (tăng 1.650 tỷ đồng).

Tỷ lệ cơ cấu chi đầu tư trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương qua các năm: Năm 2017 là 27,0% (bao gồm từ nguồn bội chi 371,3 tỷ đồng); năm 2018 là 25,0% (bao gồm từ nguồn bội chi 155 tỷ đồng); năm 2019 là 28,5% (bao gồm từ nguồn bội chi 250 tỷ đồng); năm 2020 là 30,6% (bao gồm từ nguồn bội chi 38,5 tỷ đồng); năm 2021 là 34% (bao gồm từ nguồn bội chi 41,3 tỷ đồng). Nếu loại trừ nguồn bội chi thì cơ cấu chi qua các năm: Năm

2017 là 23,4%; năm 2018 là 23,70%; năm 2019 là 26,8%, năm 2020 là 30,3%, năm 2021 là 33,7%.

Tốc độ tăng chi đầu tư: Năm 2018 so với năm 2017 tăng 9,7%; năm 2019 so với năm 2018 tăng 40%; năm 2020 so với năm 2019 giảm 3,8%; năm 2021 so với năm 2020 tăng 3,8%; năm 2021 so với năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định) tăng 53,3%.

Như vậy, việc bố trí vốn đầu tư năm 2021 đảm bảo theo kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 10/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh và Kết luận số 778-KL/TU ngày 11/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (*tỷ trọng chi đầu tư phát triển khoảng 25% - 27%*).

b) Chi thường xuyên: 8.018,3 tỷ đồng (*bao gồm kinh phí trung ương bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương 1.030.415 triệu đồng và hỗ trợ đảm bảo mặt bằng dự toán chi NSDP là 208.193 triệu đồng*); bằng 64% tổng chi cân đối NSDP; tăng so với Trung ương giao năm 2021 là 502,9 tỷ đồng tương ứng 6,7% (*Trung ương giao 7.515,4 tỷ đồng*).

- Tỷ lệ cơ cấu chi thường xuyên trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương qua các năm: Năm 2017 là 71,0%; năm 2018 là 65,3%; năm 2019 là 59,1%; năm 2020 là 66%; năm 2021 là 64%.

- Tốc độ tăng chi thường xuyên: Năm 2018 so với năm 2017 tăng 9,1%; năm 2019 so với năm 2018 tăng 11,1%; năm 2020 tương đương với năm 2019; năm 2021 so với năm 2020 giảm 9,5%; năm 2021 so với năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định) tăng 9,7%.

Như vậy việc bố trí chi thường xuyên năm 2021 như trên cho thấy tốc độ tăng chi thường xuyên (năm 2021 so với năm 2017 tăng 9,7%); chậm hơn so với tốc độ tăng chi đầu tư phát triển (năm 2021 so với năm 2017 tăng 53,3%) đảm bảo theo kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 10/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh và Kết luận số 778-KL/TU ngày 11/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (*cơ cấu chi thường xuyên dưới mức 70% đến 75%*).

c) Chi trả lãi vay: 2,2 tỷ đồng.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1,14 tỷ đồng.

đ) Dự phòng ngân sách 245,632 tỷ đồng (*bằng 2% tổng chi cân đối NSDP*), bằng 95,8% so với dự toán năm 2020, để chủ động phòng chống dịch bệnh, thiên tai; các nhiệm vụ cấp bách về an ninh - quốc phòng và các nhiệm vụ phát sinh cấp bách khác. Trong đó dự phòng ngân sách cấp tỉnh 120 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã 125,6 tỷ đồng.

2. Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu: 1.521,6 tỷ đồng; trong đó:

- a) Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án: 997,2 tỷ đồng
- b) Vốn sự nghiệp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: 524,4 tỷ đồng;

III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán NSNN năm 2021

1. Giải pháp thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh:

a) Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý thu, tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và các nhiệm vụ thu NSNN ngay từ đầu năm 2021; cụ thể:

- Tăng cường quản lý thu, nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, xử lý nợ đọng thuế; thực hiện các giải pháp phù hợp để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản phát sinh; đảm bảo thu đạt và vượt dự toán do HĐND tỉnh giao.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan; thường xuyên thu thập thông tin, kịp thời tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp có dấu hiệu vi phạm, nhất là những doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao; chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra.

- Quản lý chặt chẽ các khoản thu, chống thất thu thuế trong hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh vận tải, kinh doanh bất động sản, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh thương mại điện tử, thuế vãng lai trong hoạt động xây dựng cơ bản.

- Tập trung xử lý, thu hồi nợ thuế, thực hiện kiên quyết việc cưỡng chế các khoản nợ thuế để thu NSNN, hạn chế nợ mới phát sinh; đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; định kỳ công khai trên truyền thông các doanh nghiệp nợ thuế và doanh nghiệp có thành tích tốt trong nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; tăng cường đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp thuế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng phương án và triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn, đảm bảo hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất do HĐND tỉnh giao; phối hợp với Cục thuế tỉnh trong công tác quản lý thu thuế đối với tài nguyên, khoáng sản khai thác trên địa bàn; xử lý thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản đối với trường hợp còn nợ thuế, nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan động viên các doanh nghiệp vãng lai ngoài tỉnh hoạt động kinh doanh thường xuyên để thành lập doanh nghiệp

hoặc chi nhánh có tư cách pháp nhân tại Quảng Ngãi; tăng cường công tác kiểm tra tình trạng doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh sau đó xin thành lập DN mới để trốn thuế, kịp thời phối hợp với Cục thuế tỉnh có biện pháp xử lý thu hồi nợ thuế.

d) Sở Tài chính phối hợp với Cục thuế tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế; xác định các khoản khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định, thông báo kịp thời cho cơ quan Thuế; xác định tiền bảo vệ, phát triển đất lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, thông báo cho người sử dụng đất nộp vào NSNN theo quy định.

đ) Chính quyền địa phương các cấp tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác thu trên địa bàn, phân đầu tăng thu ngân sách so với dự toán HĐND huyện, thành phố giao; đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án do huyện làm chủ đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh; phối hợp chặt chẽ với Cơ quan thuế trong công tác quản lý và khai thác nguồn thu, thu hồi kịp thời nợ đọng thuế, chống thất thu ngân sách, nhất là trong các lĩnh vực: kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, dịch vụ ăn uống, vận tải, bất động sản, khai thác tài nguyên,... Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh thu các khoản phí lệ phí, thu tại xã, thu khác ngân sách.

2. Giải pháp thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương:

a) Đối với chi đầu tư:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển; chỉ thực hiện tạm ứng vốn từ NSNN cho các công trình, dự án cấp bách phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; xử lý nghiêm đối với chủ đầu tư, ban quản lý dự án có những dự án, công trình thực hiện không đúng quy định của Nhà nước; vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân gây chậm trễ trong việc giao vốn, thanh toán vốn.

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư, BQLDA chuyên ngành, triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng, công tác đấu thầu; thường xuyên trực báo, tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của các dự án, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân.

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn NSNN; có giải pháp và chế tài xử lý đối với những trường hợp chậm quyết toán dự án hoàn thành; thực hiện xử phạt vi phạm hành

chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với chủ đầu tư, nhà thầu có hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình hoàn thành.

b) Đối với chi thường xuyên:

- Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước và kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền cắt giảm, điều chỉnh các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

- Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 được giao, các sở, ban ngành, địa phương thực hiện rà soát, sắp xếp, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, khuyến khích các đơn vị phấn đấu tăng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp để chủ động cân đối nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, ngân sách không phải bổ sung thêm kinh phí.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới. Rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định của từng cấp chính quyền địa phương các cấp.

- Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp: tham mưu UBND các cấp điều hành ngân sách đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán được giao; quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch.

- Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, thắt chặt các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, chi tiếp khách, tổ chức lễ kỷ niệm; hạn chế việc bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài.

c) Các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh; Cục Hải quan tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 244 /BC-UBND ngày 23 /11/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	Dự kiến thu năm 2020	So sánh (%) với		Dự toán trung ương giao năm 2021	Dự toán tỉnh giao năm 2021	So sánh Dự toán tỉnh giao so với dự toán trung ương	So sánh (%) dự toán 2021 so ước thực hiện 2020
					Dự toán 2020	Cùng kỳ 2019				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7/3)
	Thu nội địa	17.664.065	15.360.000	10.250.350	66,7%	58,0%	11.005.700	13.055.700	2.050.000	127,4%
	Thu từ NMLD Dung Quất	10.090.992	7.102.000	4.150.000	58,4%	41,1%	5.000.000	5.000.000	-	120,5%
	Các khoản thu còn lại	7.573.073	8.258.000	6.100.350	73,9%	80,6%	6.005.700	8.055.700	2.050.000	132,1%
	Các khoản còn lại trừ tiền sử dụng đất	5.598.664	6.258.000	5.054.350	80,8%	90,3%	5.055.700	5.455.700	400.000	107,9%
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A)+(B)+(C)	20.979.195	18.598.500	15.288.850	82,2%	72,9%	16.047.000	18.097.000	2.050.000	118,4%
A	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (D)+(E)	20.955.206	18.560.000	15.250.350	82,2%	72,8%	16.005.700	18.055.700	2.050.000	118,4%
I	Thu nội địa	17.664.065	15.360.000	10.250.350	66,7%	58,0%	11.005.700	13.055.700	2.050.000	127,4%
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý	11.405.578	7.487.000	4.470.170	59,7%	39,2%	5.366.000	5.366.000	-	120,0%
	Trong đó thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất	10.090.992	7.102.000	4.150.000	58,4%	41,1%	5.000.000	5.000.000	-	120,5%
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.218	220.000	57.000	25,9%	67,7%	170.000	170.000	-	298,2%
	-Thuế giá trị gia tăng	3.894.480	3.400.000	1.540.000	45,3%	39,5%	1.926.000	1.926.000	-	125,1%
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.208.554	3.482.000	2.553.000	73,3%	60,7%	2.904.000	2.904.000	-	113,7%
	-Thu khác	1.903.740								
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	56.511	44.000	46.470	105,6%	82,2%	45.000	45.000	-	96,8%
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	318.954	310.000	339.000	109,4%	106,3%	260.000	260.000	-	76,7%
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.670.993	3.327.000	2.373.000	71,3%	142,0%	2.410.000	2.810.000	400.000	118,4%
5	Lệ phí trước bạ	254.997	290.000	175.050	60,4%	68,6%	195.000	195.000	-	111,4%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	26		20		76,9%				0,0%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.757	5.000	5.000	100,0%	86,9%	5.000	5.000	-	100,0%
8	Thuế thu nhập cá nhân	431.142	465.000	404.020	86,9%	93,7%	330.000	330.000	-	81,7%
9	Thuế bảo vệ môi trường	820.042	820.000	810.000	98,8%	98,8%	890.000	890.000	-	109,9%
10	Thu phí, lệ phí	161.717	170.000	150.980	88,8%	93,4%	151.700	151.700	-	100,5%
11	Tiền sử dụng đất	1.974.410	2.000.000	1.046.000	52,3%	53,0%	950.000	2.600.000	1.650.000	248,6%
12	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	86.017	60.000	38.880	64,8%	45,2%	42.000	42.000	-	108,0%

BÁO CÁO

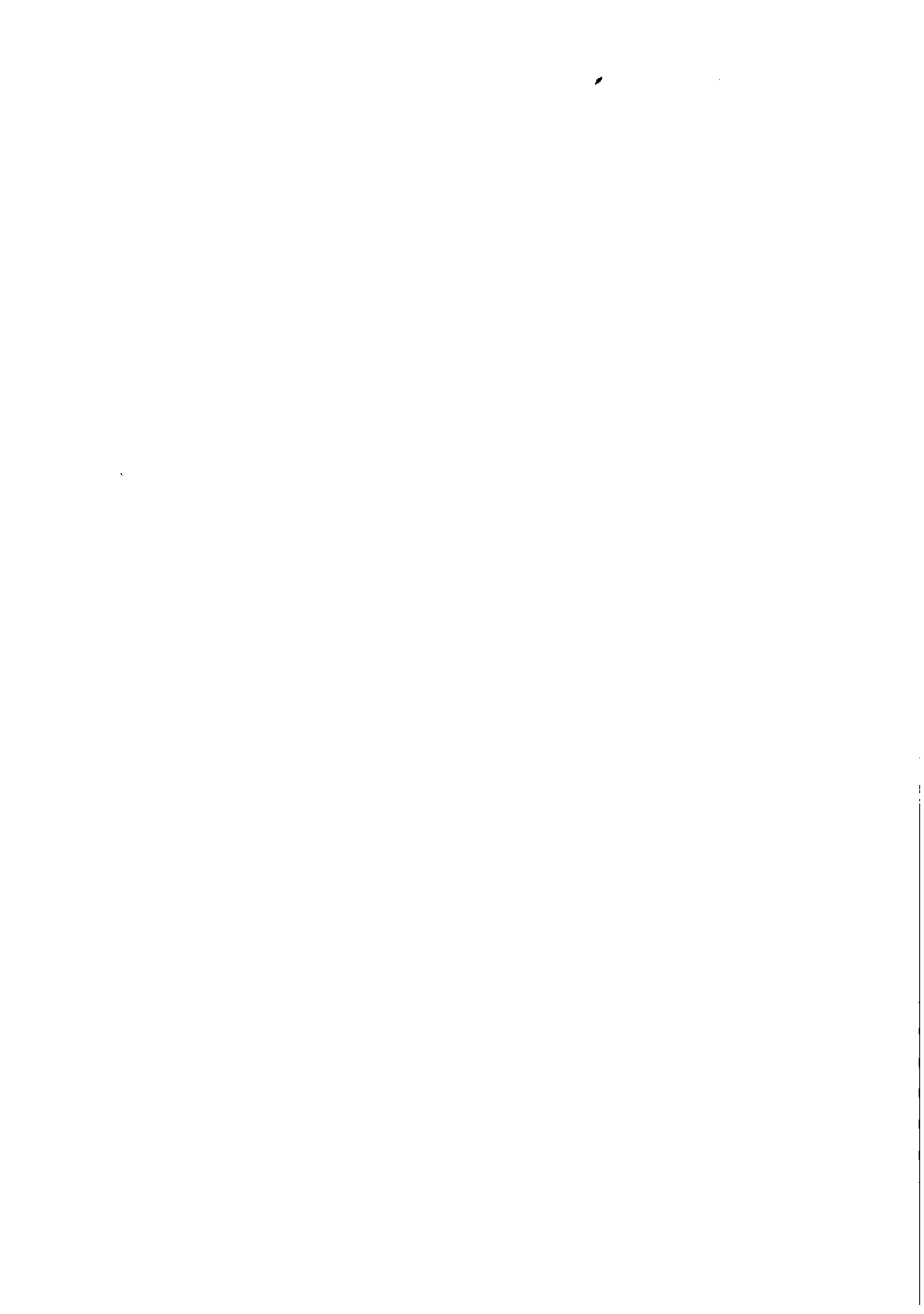
TÌNH HÌNH ƯỚC CHINGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 244 /BC-UBND ngày 11/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	Dự kiến chi năm 2020	So sánh (%) với		Dự toán trung ương giao năm 2021	Dự toán tỉnh giao năm 2021	So sánh Dự toán tỉnh giao so với dự toán trung ương giao	So sánh (%) dự toán 2021 so ước thực hiện 2020
					Dự toán 2020	Cùng kỳ 2019				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(8)=(7/3)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A)+(B)+(C)+(D)+(E)	22.570.202	15.652.545	13.925.777	89,0%	61,70%	12.042.567	14.047.514	2.004.947	100,9%
A	CHI CÂN ĐỐI	20.129.157	13.419.006	11.741.577	87,5%	58,33%	10.312.783	12.525.923	2.213.140	106,7%
I	Chi đầu tư phát triển (*)	4.860.427	4.101.950	3.066.687	74,8%	63,10%	2.588.630	4.258.630	1.670.000	138,9%
1	Chi đầu tư XD CB	4.823.396	4.075.950	3.040.687	74,6%	63,04%	2.588.630	4.238.630	1.650.000	139,4%
	- Chi đầu tư XD CB vốn trong nước	4.648.354	1.932.450	1.932.450	100,0%	41,57%	1.485.330	1.485.330	-	76,9%
	- Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	71.572	2.000.000	1.000.000	50,0%	1397,20%	950.000	2.600.000	1.650.000	260,0%
	- Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu XSKT	84.691	105.000	105.000	100,0%	123,98%	112.000	112.000	-	106,7%
	- Chi đầu tư từ nguồn bồi chi	18.780	38.500	3.237	8,4%	17,24%	41.300	41.300	-	1275,9%
2	Chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	5.531	6.000	6.000	100,0%	108,47%			-	0,0%
3	Chi đầu tư phát triển khác	31.500	20.000	20.000	100,0%	63,49%		20.000	20.000	100,0%
II	Chi thường xuyên	9.118.702	8.860.308	8.672.750	97,9%	95,11%	7.515.383	8.018.320	502.937	92,5%
1	Chi giáo dục-đào tạo-dạy nghề	3.307.462	3.485.724	3.146.660	90,3%	95,14%	3.181.284	3.182.892		101,2%
2	Chi khoa học và công nghệ	28.389	34.460	32.000	92,9%	112,72%	27.797	33.110		103,5%
3	Chi quốc phòng	246.520	200.704	212.432	105,8%	86,17%		177.748		83,7%
4	Chi an ninh trật tự an toàn xã hội	163.440	81.412	125.000	153,5%	76,48%		65.902		52,7%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	973.616	856.850	802.819	93,7%	82,46%		774.990		96,5%
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục, thể thao	162.721	167.896	154.547	92,0%	94,98%		142.726		92,4%
7	Chi phát thanh, truyền hình và thông tấn	46.047	40.593	36.534	90,0%	79,34%		36.406		99,6%
8	Chi bảo vệ môi trường	174.525	160.156	144.140	90,0%	82,59%	167.604	127.270		88,3%
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.646.263	1.595.153	1.466.196	91,9%	89,06%		1.356.472		92,5%



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Quyết định		Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Tổng nguồn			Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh	178.802	
1	Bố trí dự toán năm 2020				130.608	
2	Chuyển nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2019 sang năm 2020 tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 29/5/2020				18.883	
3	Hoàn trả dự phòng NS tỉnh đã chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19 từ nguồn trung ương hỗ trợ (Ban cán sự Đảng UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 957-CV/BCS ngày 16/11/2020)				29.311	
B	Kinh phí đã sử dụng				103.220	
I	Kinh phí đã có QĐ phân bổ của UBND tỉnh				92.920	
1	105	18/02/20	Sở Y tế	Kp mua sắm VTYT tiêu hao, phương tiện bảo hộ và chống nhiễm khuẩn, hóa chất phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới VR Corona gây ra	7.000	
2	112	24/02/20	Sở Y tế	Kp mua 07 máy thở phục vụ công tác phòng chống, dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	4.373	
3	59	22/01/20	Các huyện	Hỗ trợ quà tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp tết Nguyên đán 2020	9.566	
4	450	31/03/20	BCH Quân sự tỉnh	Kinh phí thực hiện bảo đảm cách ly công dân tại Trung tâm huấn luyện của tỉnh	100	
5	585	22/04/20	Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Kinh phí thực hiện kiểm định, đánh giá khả năng chịu tải công trình cầu Trà Bồng	494	
6	324	15/05/20	Các huyện, TX, TP	Kinh phí cho các huyện thực hiện hỗ trợ gạo "đỏ lửa" cho nhân dân trong dịp tết nguyên đán canh tý năm 2020	2.452	
7	325	15/05/20	Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Lý Sơn	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 1)	10.000	
8	332	19/05/20	Sơn Tịnh, Minh Long, Đức Phổ	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 3)	808	
9	333	20/05/20	Nghĩa Hành, Mộ Đức, Minh Long, Sơn Tây	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 4)	1.296	
10	339	22/05/20	Mộ Đức	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 6)	3.704	
11	341	26/05/20	Sơn Hà, Đức Phổ	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 8)	4.193	
12	342	27/5/2020	Ba Tơ, Nghĩa Hành	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 9)	5.000	
13	764	26/05/20	BCH Quân sự tỉnh	Hỗ trợ kinh phí, vật tư y tế giúp Lào trong công tác phòng, chống dịch Covid 19	466	
14	362	03/06/20	Trà Bồng	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 12)	5.000	

4

CÁC KHOẢN TẠM ƯNG, ƯNG TRƯỚC NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/19 (số thực tế ứng)	Số tạm ứng trong năm 2020	Số thu hồi trong năm 2020	Số dư đến ngày 31/12/2020	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) + (5) - (6)	(8)
	Tổng cộng (I)+(II)		889.561		269.931	619.630	
I	Thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh		467.035		226.786	240.249	
	Chi đầu tư		467.035		226.786	240.249	
1	BQL DA ĐTXD Tỉnh	Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA Hệ thống HTKT khu dân cư trực đường Bầu Giang-Cầu Mới	6.000			6.000	
2	BQL DA ĐTXD Tỉnh	Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA Hệ thống HTKT khu dân cư trực đường Bầu Giang-Cầu Mới	14.934			14.934	
3	UBND huyện Sơn Tịnh	Đầu tư 3 công trình hạ tầng VSIP (50 tỷ đồng)	8.237			8.237	
		- Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thôn Thế lợi	6.765			6.765	
		- Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thôn Phong niên	1.472			1.472	
4	UBND huyện Sơn Hà	Tuyến đường Sơn Thượng - Sơn Tinh huyện Sơn Hà	1.504		1.504	0	
5	Sở Y tế	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ngãi	14.400		14.400	0	
6	BQL các dự án công trình giao thông tỉnh	Ứng trước dự toán thực hiện Dự án Đường bờ Nam sông Trà Khúc	50.000		50.000	0	
7	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Ứng trước dự toán năm sau thực hiện Dự án Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2)	14.972		14.972	0	
8	Đài PTTH Qngãi	Dự án xe Truyền hình lưu động 05 camera của Đài PTTH Qngãi	15.000			15.000	
9	UBND Thành phố Q. Ngãi	Ứng trước để xây dựng công trình Khu Đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, TPQN.	83.573			83.573	
10	UBND huyện Sơn Tịnh	Ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư thôn Thế Long, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh.	10.520			10.520	
11	Sở Giao thông	Ứng trước mua xi măng để làm giao thông nông thôn	29.985			29.985	
12	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước ngân sách tỉnh để thực hiện cung ứng xi măng cho các xã làm đường giao thông nông thôn, thực hiện CTMTQG nông thôn mới năm 2017	32.000			32.000	
13	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước thực hiện khắc phục hậu quả lũ lụt (bước 2)	40.000			40.000	
14	Cty TNHH MTV Đầu tư XD và KD DV Q. Ngãi	Ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện 02 dự án Khu dân cư	130.000		130.000	0	